

Tình Yêu Lạ Lùng Của Thiên Chúa Trong Sách Ngôn Sứ Hôsê - Phân Tích HS 2, 16-25

The Mysterious Love of God in the Book of Hosea - Analysis of Hosea 2:16-25

Giuse Hồ Sỹ Đoàn, C.P.^{1*}

¹ Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam

* Email của tác giả liên hệ: hositydoan@gmail.com

*  <https://orcid.org/0009-0001-7742-6814>

*  <https://doi.org/10.54855/csl.23324>

® Copyright (c) 2023 Giuse Hồ Sỹ Đoàn

Tóm lược

Ngang qua cuộc đời và những lời rao giảng của ngôn sứ Hôsê, câu chuyện tình giữa Thiên Chúa và dân Ítraen được trình bày quá đỗi lãng mạn, đầy kì diệu nhưng cũng không kém phần xót xa. Trước tiên, cuộc hôn nhân giữa Hôsê với Gôme phản ánh tình yêu của Thiên Chúa dành cho dân Ítraen dù dân bất tín với Chúa. Tình yêu lạ lùng của Thiên Chúa được thể hiện rõ hơn qua Hs 2,16-25 khi Thiên Chúa ký hôn ước vĩnh cửu với Ítraen trong nơi sa mạc. Qua những hiểu biết về bản văn Hs 2,16-25, về kinh nghiệm đức tin của Ítraen và tình yêu mà Thiên Chúa dành cho con người, người viết cũng muốn suy tư và phản tỉnh đời sống đức tin cũng như hành trình dẫn thân theo Chúa của mình.

Từ khóa: Tình yêu Thiên Chúa, Hôsê, Gôme, Ítraen

Abstract

Passing through the life and preaching of the prophet Hosea, the love story between God and the Israelites is portrayed as intensely romantic, filled with wonders yet equally poignant. Firstly, the marriage between Hosea and Gomer reflects God's love for the unfaithful Israelites. The peculiar love of God is further exemplified in Hosea 2:16-25, where God enters into an everlasting covenant with Israel in the wilderness. Through an understanding of the text in Hosea 2:16-25, the experiences of faithfulness in the Israelites, and the love that God has for humanity, the author also intends to encourage reflection and self-examination regarding one's own life of faith and journey of following God.

Keywords: God's love, Hesea, Gomer, Israel

Dẫn Nhập

Lúc sinh thời, nhà thơ Xuân Diệu đã từng viết:¹

Yêu là chết ở trong lòng một ít

Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu.

Cho rất nhiều song nhận chẳng bao nhiêu;

Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết.

¹ Nhà Thơ Xuân Diệu (1916-1985). Bài thơ Yêu nằm trong tập thơ *Thơ Thơ* (1938).

Chỉ với hai câu thơ trên, nhà thơ Xuân Diệu đã khắc họa một kinh nghiệm đau đớn, bẽ bàng trong tình yêu. Một đấng là yêu mãnh liệt; yêu đến dám cho đi phần sự sống, nhưng một đấng là phụ bạc, thờ ơ. Thật trớ trêu, dầu biết là bẽ bàng, là bi kịch, nhưng bao con người vẫn lao vào yêu, vẫn muốn yêu và chết đi cho tình yêu.

Cũng vậy, cách đây hơn 2000 năm, có một câu chuyện tình cũng bi kịch và lạ lùng không kém diễn ra trong lịch sử dân Ítraen. Ngang qua cuộc đời và những lời rao giảng của ngôn sứ Hôsê, câu chuyện tình giữa Thiên Chúa và dân Ítraen được trình bày quá đỗi lãng mạn, đầy kì diệu nhưng cũng không kém phần xót xa.

Hình ảnh một Thiên Chúa vì quá si mê; yêu đến điên cuồng, sẵn sàng làm mọi thứ để dân Ítraen được sống dồi dào, nhưng Ítraen lại phụ bạc, hoặc thờ ơ, chẳng biết, cứ mãi chạy theo thần ngoại, mê đắm trong đời sống vô luân. Một Thiên Chúa cứ mãi mê chạy tìm, gọi mời và tha thiết được yêu những đứa con của mình, thì Ítraen lại quay lưng, bỏ quên Chúa. Trong lúc đau khổ, một Thiên Chúa luôn có đó, sẵn sàng giang tay ra nâng đỡ, thì họ chẳng màng, mà chỉ chạy vào uy quyền trần thế ngoại bang. Nhưng tình yêu lạ lùng của Thiên Chúa chưa bao giờ con người hiểu nổi và có lẽ sẽ mãi chẳng hiểu nổi tại sao con người càng bắt trung, tình yêu Thiên Chúa càng mạnh mẽ và kì diệu.

Vậy, để hiểu rõ hơn tình yêu lạ lùng này của Thiên Chúa, người viết khởi đi từ ngôn sứ Hôsê, từ chính cuộc hôn nhân không kém phần lạ lùng của ông. Đồng thời, người viết sẽ tìm hiểu bối cảnh lịch sử dân Ítraen thời ngôn sứ Hôsê hoạt động và đặc biệt tập trung tìm hiểu bản văn của chương 2, 16-25 trong sách ngôn sứ Hôsê, để khám phá sứ điệp bản văn muốn gợi gắm. Cuối cùng, qua những hiểu biết về bản văn, về kinh nghiệm đức tin của Ítraen và tình yêu mà Thiên Chúa dành cho con người, người viết cũng muốn suy tư và phản tỉnh đời sống đức tin cũng như hành trình dẫn thân theo Chúa của mình.

Tim Hiểu Về Ngôn Sứ Hôsê Và Bản Văn

Ngôn Sứ Hôsê Là Ai?

Hôsê - vị ngôn sứ được Thiên Chúa gọi, sống ở thế kỉ VIII trước công nguyên (TCN), dưới thời các vua Útdigia, Giôtham, Akhát và Khítki gia trị vì Giuđa và dưới thời vua Giarópam - con của vua Giôát trị vì Ítraen (Hs 1,1). Dường như, ông xuất thân từ chi tộc Ephraim, một chi tộc lớn của vương quốc miền Bắc² và sứ mạng ngôn sứ của ông cũng chủ yếu diễn ra ở vương quốc Ítraen.³ Những chủ đề lớn mà ông rao giảng là tôn giáo, luân lí và chính trị.⁴ Ông bắt đầu sứ vụ nói Lời của Thiên Chúa vào khoảng năm 746, dưới thời trị vì của vua Giarópam II (786-746 TCN). Có lẽ, sứ vụ của ông kéo dài qua thời kì liên minh anh em nhà Siro-Epharaim (734 -732 TCN) và chấm dứt trước khi thành Samaria thất thủ (721), trước sự bành trướng và xâm lược vua Sargon II của đế quốc Átsua.⁵

Kể đến, ngôn sứ Hôsê được xem là người đã dâng hiến trọn vẹn cuộc đời mình cho Thiên Chúa và luôn tuân phục Người trong bất cứ mọi hoàn cảnh.⁶ Điều này thể hiện ở việc ông đã tuân lệnh truyền của Thiên Chúa: “Hãy đi cưới một người đàn bà làm điếm để sinh những đứa con

² Abraham J. Heschel, *The Prophets* (New York: Harper Perennial Modern Classics, 2001), 47.

³ Richard D. Patterson & Andrew E. Hill, *Minor Prophets. Hosea-Malachi* (Illionis: Cornerstone Biblical Commentary, 2015), 37.

⁴ Abraham J. Heschel, *The Prophets*, 47.

⁵ Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, *Lời Chúa Cho Mọi Người: Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước* (Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2010), 1484. (Dẫn nhập của sách Hôsê); Abraham J. Heschel, *The Prophets*, 48.

⁶ Thomas Edward McComiskey (ed.), *The Minor Prophets. An Exegetical and Expository Commentary. Vol 1: Hosea, Joel, and Amos* (Grand Rapids: Baker Book House, 1992), 13.

đàng điếm” (Hs 1,2). Ông đã vâng lệnh Chúa, cưới Gôme – một người phụ nữ làm điếm để làm vợ mình. Mặc dầu, cuộc hôn nhân của họ cũng sinh nhiều hoa trái, cụ thể ba người con lần lượt ra đời: Gítroen, Lô Rukhama và Lô Ammi, nhưng có lẽ đây là một cuộc hôn nhân để lại nhiều chua xót và thương đau cho ông Hôsê. Thứ nhất, tên của những người con họ sinh ra mang ý nghĩa lạ lùng: Gítroen: Thiên Chúa phân tán, Lô Rukhama: Không được thương và Lô Ammi: Không phải dân Ta (Hs 1, 3-6). Thứ hai, Gôme – người vợ làm điếm mà ông cưới cũng bất trung, *ngựa quen đường cũ*, trở về với nghề làm điếm. Thứ ba, tưởng rằng cuộc hôn nhân của Hôsê với Gôme đã chấm dứt sau khi Gômê trở lại nghề làm điếm, nhưng không, một lần nữa Thiên Chúa muốn Hôsê tha thứ cho Gôme và tiếp tục đưa người đàn bà này về nhà và yêu thương nàng (Hs 3, 1).

Vậy, đâu là sứ điệp Thiên Chúa muốn gửi gắm thông qua câu chuyện đầy bi kịch này của ngôn sứ Hôsê? Có thể nói rằng, bốn hình ảnh: (1) sự tuân phục của Hôsê đối với Thiên Chúa để bước vào cuộc hôn nhân “lạ lùng”; (2) danh phận “đáng xấu hổ” và sự bất trung của người vợ; (3) những cái tên mang ý nghĩa tiêu cực của ba người con của Hôsê; (4) hình ảnh Hôsê tiếp tục tha thứ và đi yêu người vợ bất trung nói lên sứ điệp mà Thiên Chúa muốn ông Hôsê loan báo cho người dân ở vương quốc Ítraen (những đứa con đã được Thiên Chúa yêu mến và tuyển chọn làm dân riêng) về tình trạng sa đọa trong đời sống luân lí và tôn giáo, sự bất trung của Ítraen đối với Thiên Chúa (phá vỡ giao ước Sinai – Thờ phượng một mình Thiên Chúa), bỏ Thiên Chúa để chạy theo các thần ngoại của vương quốc Átsua.⁷ Nói cách khác, cuộc hôn nhân của Hôsê được xem như hình ảnh dân Ítraen bỏ quên Thiên Chúa, chạy theo thờ lạy thần Baan ở thế kỉ VIII.⁸ Hơn nữa, vì họ lãng quên Chúa, nên những đau khổ bắt đầu đến với họ (tên của những đứa con: Thiên Chúa phân tán, không phải dân ta, không được thương). Như vậy, những lời loan báo của Hôsê như một sự cảnh báo về thực tại của họ và những hậu quả của việc họ rời xa Thiên Chúa. Tuy nhiên, trên tất cả, những lời rao giảng của Hôsê cũng không quên cho Ítraen thấy rằng, có một Thiên Chúa luôn hiện diện với dân, luôn chung thủy với giao ước, luôn dành một tình yêu son sắc cho dân và luôn sẵn sàng tha thứ trước những lầm lạc và bội tín của Ítraen.

Như vậy, cuộc hôn nhân của ngôn sứ Hôsê đã trở thành một biểu tượng nói về tình yêu của Thiên Chúa và sự phản bội của dân Ítraen. Tuy nhiên, điều gì đã xảy ra trong xã hội của vương quốc Ítraen lúc bấy giờ? Tình hình tôn giáo, chính trị, đời sống luân lí của Ítraen sa đọa thế nào? Tại sao Thiên Chúa “mượn” cuộc hôn nhân bi kịch của Hôsê này để diễn đạt sứ điệp của Người?

Bối Cảnh Lịch Sử Thời Ngôn Sứ Hôsê

Ngay từ đầu cuốn sách, trong lời phán của Thiên Chúa với ông Hôsê, Thiên Chúa đã cho thấy tình trạng sa đọa trong đời sống tôn giáo, luân lí, đồng thời cảnh báo về nguy cơ mất nước của Ítraen: “Cả xứ đều bỏ Đức Chúa mà đi làm điếm” (Hs 1, 2), và “Ta sẽ dẹp bỏ vương quốc Ítraen” (Hs 1,4). Bên cạnh đó, như người viết đã lướt qua một chút thông tin về thời gian và nơi chốn hoạt động ngôn sứ của Hôsê ở phần một. Ngôn sứ Hôsê chủ yếu hoạt động ở vương quốc miền Bắc, dưới thời trị vì của vua Giarópam II cho tới trước giai đoạn thủ phủ Samari sụp đổ (721).

Đầu tiên, về mặt chính trị, trong sách các Vua quyển 2 chương 14-17, đọc lại những trang sử liên quan đến thời của ngôn sứ Hôsê, có thể nói, đây là thời kì đen tối, đầy biến động, đầy bất ổn. Sau khi vua Giarópam II băng hà năm 743 TCN, ngoài việc phải chịu sức ép xâm lược của

⁷ James D. Nogalski, *The Book of the Twelve. Hosea-Jonah* (Georgia: Smyth & Helwys Publishing, 2011), 25.

⁸ Brad E. Kelle, *Hosea 2. Metaphor and Rhetoric in Historical Perspective* (Atlanta: Society of Biblical Literature, 2005), 48.

đế quốc Átsua,⁹ và gồng mình gánh sưu cao thuế nặng, dâng cống phẩm cho vương quốc Átsua,¹⁰ thì những cuộc nội chiến, tranh giành quyền lực, các âm mưu giết người trở nên căng thẳng và tàn ác diễn ra trong khắp vùng Ítraen. Đặc biệt, sau khi vua Giarópam II mất, chỉ trong một thời gian ngắn (743- 724) đã có liên tiếp sáu vị vua kế ngôi: Dokhácgia (743), Salum (743), Mònakhem (743-738), Pócácgia (738-737), Pecác (737-732) và vua Hôsê (732-724). Đặc biệt, cuộc nội chiến giữa liên minh anh em nhà Sirô-Ephraim¹¹ nhằm tấn công vua Akhát của vương quốc Giuđa, với ý định truất ngôi Akhát để thay vào đó một vua có thể gia nhập liên minh chống lại đế quốc Átsua (2V 15,29 -37; 16),¹² đã dẫn tới việc *công rắn cắn gà nhà* khi vua Giuđa cầu cứu vua Átsua. Như vậy, trước sức mạnh quân sự, với tham vọng bá chủ, vương quốc Átsua đã tấn công Ítraen khi được vua Giuđa cầu cứu. Vua Átsua nhanh chóng chiếm phần lớn lãnh thổ của vương quốc Ítraen, biến vương quốc này thành một nước chư hầu của Átsua.¹³

Về đời sống tôn giáo, theo các sử gia của sách các Vua quyển 2, có một điệp khúc được lặp đi lặp lại nhiều lần kéo dài từ thời vua Giarópam II cho tới vua Hôsê: “Vua đã làm sự dữ trái mắt Đức Chúa”.¹⁴ Điều này muốn nói lên đời sống chìm đắm trong sa đọa, bất trung của dân Ítraen. Họ đã thực sự lãng quên Thiên Chúa của cha ông họ, đã từ bỏ giao ước trung thành với Thiên Chúa để sùng bái ngẫu tượng, thần ngoại.¹⁵ Đồng thời bối cảnh chính trị quá rối ren đã góp phần làm cho đời sống tôn giáo của người dân Ítraen trở nên phức tạp, cụ thể là xu hướng tổ hợp tôn giáo (syncretism) trong đời sống đạo của dân Ítraen. Họ vừa thờ Thiên Chúa, nhưng cũng thờ thần Baan của dân ngoại (Hs 1,2; 2,10.15; 13,1).¹⁶ Không những thế, việc sát tế dâng hương trên các đỉnh núi, ngọn đồi, dưới bóng cây sồi, cây hương, cây sên (Hs 4,13) cũng diễn ra phổ biến trong toàn vùng Ítraen.

Kể đến, đời sống luân lí của dân Ítraen cũng gặp khủng hoảng nghiêm trọng. Trong dân chẳng có thành tín, chỉ có bội thề, dối trá, sát nhân và trộm cướp. Áp bức, rượu chè, đàn điếm, giết chóc diễn ra khắp nơi (Hs 4,1-2. 11). Đời sống luân lí chẳng còn gì là tốt đẹp. Hàng tư tế cũng giao du với phường kĩ nữ, cũng tế lễ với điếm thần (Hs 4, 14). Như vậy, cả thường dân lẫn hàng tư tế, đời sống luân lí đã băng hoại, đã đi đến sự đổ nát bên trong lẫn bên ngoài, như lời ngôn sứ Hôsê đã thốt lên, quả thực Ítraen đã trở thành: Xứ sở tan thương, dân cư tàn tạ (Hs 4,3).

Như vậy, trước bối cảnh đầy khó khăn, đầy biến loạn từ khía cạnh chính trị - xã hội tới chiều sâu tâm linh, ngôn sứ Hôsê xuất hiện không chỉ như một sự bùng tỉnh, một sự đánh thức, một sự răn đe, nhưng Hôsê đến còn mang một niềm hi vọng trong lịch sử đầy đen tối của dân Ítraen. Vậy, sứ điệp ngôn sứ Hôsê loan báo là gì? Tình yêu lạ lùng của Thiên Chúa và đời sống bội tín của Ítraen được Hôsê trình bày cụ thể ra sao? Với cái nhìn bao quát, người viết đi vào tìm hiểu ba chương đầu của sách Hôsê.

⁹ Abraham J. Heschel, *The Prophets*, 48-49.

Đế quốc Átsua lúc này dưới sự nắm quyền của vua Tiglat-Pileser III (745-727 TCN).

¹⁰ 2V 15, 20.

¹¹ Sirô là dân Aram, sống ở Đamát, giáp ranh phía Bắc của Ítraen. Ephraim là một bộ tộc lớn của dân Do Thái, sống ở cực Bắc của Ítraen.

¹² Trước sự đe dọa của liên minh Sirô-Ephraim, vua Akhát chạy sang Átsua để dâng cống phẩm và cầu cứu vua Tiglat-Pileser III. Tiglat-Pileser III gọi quân sang giúp Giuđa và đánh chiếm vương quốc miền Bắc. Lãnh thổ Ítraen chỉ còn sót lại một mảnh nhỏ chung quanh thủ đô Samari, bị cô lập và liên tục bị đe dọa bởi Átsua.

¹³ Abraham J. Heschel, *The Prophets*, 49. In the Northern Kingdom of Israel, Menahem (745-738 B.C.E.), who had usurped the throne, became a vassal of Assyria.

¹⁴ 2V14, 24; 15, 9.18.24.28; 17,2.

¹⁵ Jean Pierre Prevost, *Để Đọc Các Ngôn Sứ* (nguyên bản: *Pour Lire les Prophetes*, chuyển dịch Thiên Hựu và Xuân Hùng, Sài Gòn: NXB Đông Phương, 2017), 97.

¹⁶ James D. Nogalski, *The Book of the Twelve. Hosea-Jonah*, 59.

Tìm Hiểu Bản Văn

Để có thể hiểu rõ và khám phá được nét kì diệu trong tình yêu thương vô biên của Thiên Chúa vượt trên tội lỗi và sự bất trung của con người, người viết muốn đặt đoạn văn Hs 2, 16-25 trong bối cảnh ba chương đầu của sách Hôsê.

Ba chương đầu của sách Hôsê được sắp xếp theo một cấu trúc khá rõ ràng: phần mở đầu và kết thúc được trình bày bằng văn xuôi (chương 1 và 3) nói về cuộc hôn nhân đặc biệt của ngôn sứ Hôsê.¹⁷ Phần trung tâm là phần thơ (chương 2) được chia thành hai phần: một là hạch tội và tuyên bố án phạt đối với Ítraen (Hs 2, 4-15) và hai là trình bày về tình yêu và sự tha thứ của Thiên Chúa dành cho Ítraen (Hs 2, 16-25).¹⁸

Trước tiên, bố cục phần mở đầu (chương 1) và phần kết thúc (chương 3) dường như được trình bày theo lối đối xứng.¹⁹

Hôsê 1, 2-3	Hôsê 3, 1-2
Đức Chúa phán với ông Hôsê	Đức Chúa phán với tôi
Hãy đi	Cứ đi
Cưới một người đàn bà	Yêu một người đàn bà
Làm điếm	Đang có tình nhân và ngoại tình
Sinh những đứa con đàng điếm	
Vì cả xứ đều bỏ Đức Chúa mà đi làm điếm	Vì chúng lại quay lưng đi theo các thần khác
Ông đã đi cưới bà Gômê.	Tôi đã bỏ ra mười lăm đồng bạc, ba mươi thùng lúa mạch, để mua nàng về.

Có thể thấy, sách Hôsê mở đầu với lời Đức Chúa phán như một lệnh truyền lạ lùng, gây “shock” cho ngôn sứ Hôsê khi bảo ông đi kết hôn với một người đàn bà, mà người đàn bà cả trong hai trường hợp đều ở trong tình trạng bị ràng buộc bởi luật Ítraen.²⁰ Tiếp đến, trong lời phán của Đức Chúa, có sự xuất hiện của cụm từ “cả xứ” và “chúng”: “cả xứ đều bỏ Đức Chúa mà đi làm điếm” (Hs 1,2) và “chúng lại quay lưng đi theo các thần khác” (Hs 3,1). Như vậy, lời Đức Chúa phán, giờ đây, không chỉ nhắm tới hai nhân vật Hôsê và Gômê, nhưng là cả toàn dân Ítraen. Hình ảnh người đàn bà trong cả hai trường hợp trên muốn ám chỉ đến tình trạng bất trung, đời sống sa đọa về khía cạnh tôn giáo và luân lí của dân Ítraen. Tuy nhiên, kết thúc hai đoạn văn, ngôn sứ Hôsê đều thi hành mệnh lệnh của Chúa: Kí kết hôn nhân.²¹

¹⁷ William Rainey Harper, *The Structure of Hosea 1:2 - 3:5*, The University of Chicago Press, google.

<https://www.jstor.org/stable/pdf/528089.pdf?refreqid=excelsior%3A35332cfb0b87b49edcfbe259661ace7d>, truy cập ngày 5/3/2021.

¹⁸ Người viết theo cách chia bố cục phần thơ của chương II theo học giả Thomas Edward McComiskey (ed.), *The Minor Prophets. An Exegetical and Expository Commentary. Vol 1: Hosea, Joel, and Amos* (Grand Rapids: Baker Book House, 1992).

¹⁹ Jean Pierre Prevost, *Để Đọc Các Ngôn Sứ*, 99.

²⁰ James D. Nogalski, *The Book of the Twelve. Hosea-Jonah*, 38. Trong văn hóa Do Thái, con gái làm điếm, nếu phát hiện sẽ bị xử tử (thiêu sống) (St 38, 24). Trong sách Đệ Nhị Luật, nếu phát hiện một người nữ làm điếm thì người phụ nữ đó sẽ bị ném đá đến chết (22, 21), hay luật cấm con gái Ítraen không được làm điếm thần (23:17-18).

²¹ Jean Pierre Prevost, *Để Đọc Các Ngôn Sứ*, 99.

Kể đến, phần trung tâm (chương 2) được trình bày theo thể loại thơ ca. Cụ thể, nhiều học giả²² thấy có hai thái cực và hai cung giọng diễn ra trái ngược nhau trong đoạn này. Thứ nhất là thái cực hăng say lên án sự bất trung của vị hôn thê thất tín và đồng thời tuyên bố án phạt với ngôn ngữ nặng nề, thậm tệ, tàn nhẫn (2, 4-15).²³ Vì sự “ngoại tình” (2,4) nên “đưa nó ra tòa đi” “nó đều phải vứt bỏ” (2,4), “biến nó thành sa mạc hoang vu, đất khô khan cằn cỗi” (2,5), “con cái chúng, Ta sẽ không thương” (2,6). Vì việc theo thờ thần ngoại “dâng kính Baan” (2,10), nên “Ta sẽ trừng phạt” (2,15), “biến chúng thành bụi rậm, mặc dã thú gặm tan hoang” (1,14). Đoạn văn này, tác giả đã sử dụng một cung giọng vô cùng gay gắt để phán xét và hạch tội trước tình trạng hoang đàng, sa đọa và vô luân của Ítraen.

Thái cực thứ hai diễn tả sự dịu hiền, lòng tha thứ và tình thương vô biên của Thiên Chúa với sự chuyển đổi hoàn toàn trong cung giọng ở những câu cuối của chương 2, 16-25. Tác giả đã thay đổi việc dùng ngôn ngữ để biểu đạt sự dịu hiền và tình yêu thương của Thiên Chúa trước những tội lỗi của Ítraen và cho thấy sự kỳ diệu trong tình yêu và sự tha thứ của Thiên Chúa đã vượt trên sự phản bội và tình trạng tội lỗi của toàn Ítraen. Cụ thể, vì yêu, Thiên Chúa chấp nhận tội lỗi của dân và tìm mọi cách để được đến gần Ítraen như “quyến rũ”, và đưa họ vào sa mạc để “thỏ lộ tâm tình” (2,16). Ngài cũng gọi dân với cái tên đầy thân thương, triu mến như người tình: “Mình ơi” (3,18). Đặc biệt, Ngài chẳng còn màng tới tội lỗi của Ítraen. Tội ngoại tình của dân dường như được xóa bỏ để họ trở thành “cô dâu mới”, trong trắng, tinh tuyền trong hôn ước vĩnh cửu với Thiên Chúa (2,21).

Vậy, ngôn sứ Hôsê đã vẽ nên bức tranh về một Thiên Chúa đầy yêu thương, yêu đến si mê, yêu trong tha thứ và đầy kiên nhẫn như thế nào trong Hs 2,16-25 trước những tội lỗi của dân Ítraen. Sau đây, người viết đi vào chi tiết bản văn, hi vọng có thể giải đáp những câu hỏi trên.

Tình Yêu Lạ Lùng Của Thiên Chúa (Hs 2, 16-25)

Sa Mạc Nơi Tình Yêu Thiên Chúa Được Biểu Lộ

Để có thể biến đổi dân Ítraen, kéo họ ra khỏi tội lỗi, ra khỏi những lệ thuộc vào thế lực thần ngoại và giúp họ có thể khám phá lại tương quan, tình yêu với Ngài, Thiên Chúa đã đi bước trước để “quyến rũ” và “đưa nó” vào sa mạc mà “thỏ lộ tâm tình” (Hs 2,16).

Nếu Hs 2, 4-15 là một khung cảnh hạch tội, phán xét, trừng phạt trước tình trạng dân Ítraen chạy theo ngẫu tượng, thờ thần Baan, lên án lối sống sa đọa trong đời sống luân lí, thì mở đầu cho Hs 2, 16-25 xuất hiện một hình ảnh hoàn toàn trái ngược, đó là một Thiên Chúa si tình. Đặc biệt, dường như trong Hs 2, 4-15, tác giả không đề cập tới bất kì một chi tiết nào nói về sự thay đổi, hoán cải hay một hành động trở về, ăn năn của Ítraen trước những phán xét và trừng phạt, nhưng chỉ thấy hình ảnh Thiên Chúa có một tình yêu lạ lùng, luôn hành động trước.²⁴ Tình yêu lạ lùng này bắt đầu với ba động từ: “quyến rũ”, “đưa” và “thỏ lộ”. Ba động từ này gợi lên một tiến trình tiếp cận Ítraen để tỏ lộ tình yêu và sự quan tâm của Thiên Chúa. Đây là một tiến trình tiếp cận đầy nhẫn nại, từ tốn và yêu thương để cho thấy Thiên Chúa đã không vội vã, vồ vập, áp đặt nhưng dịu dàng quyến rũ để đưa họ vào sa mạc, về sự hoán cải, về sự phục hưng.²⁵

²² Jean Pierre Prevost, *Đề Đọc Các Ngôn Sứ*; Thomas Edward McComiskey, *The Minor Prophets*; James D. Nogalski, *The Book of the Twelve. Hosea-Jonah*; Francis. I. Andersen, & David. N. Freedman, *Hosea: A New Translation with Introduction and Commentary*.

²³ Jean Pierre Prevost, *Đề Đọc Các Ngôn Sứ*, 103.

²⁴ Francis. I. Andersen, & David. N. Freedman, *Hosea: A New Translation with Introduction and Commentary* (New York: Doubleday & Company, 1980), 263.

²⁵ Jean Pierre Prevost, *Đề Đọc Các Ngôn Sứ*, 105.

Trước tiên Thiên Chúa muốn nhắc nhở họ về lịch sử dân tộc “ngày nó đi lên từ Ai Cập (2,17),²⁶ con cái Ítraen đã như những đứa trẻ thơ, nép vào lòng Thiên Chúa, trung thành, tin tưởng vào sự quan phòng, che chở và yêu thương của Người ra sao. Để từ đó, Thiên Chúa một lần nữa muốn thiết lập lại tương quan với con cái Người, muốn phục hồi lại đời sống thân tình như thuở ban đầu; muốn được tiếp tục yêu những người con của mình, dẫu chúng lỗi phạm, bất trung; muốn được nối lại sự đôi thoại và phục hồi sự hiệp nhất với dân của Người. Hành động này của Thiên Chúa phần nào cho thấy “Người không giữ mãi cơn giận, nhưng chuộng lòng nhân nghĩa” (Mk 7,18) và thực tại tối hậu của Người là “Đấng giàu lòng từ bi và nhân hậu, hay nén giận và giữ lòng nhân nghĩa với muôn ngàn thế hệ” (Xh 34,6-7).²⁷

Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra, tại sao Thiên Chúa phải “quyến rũ” để đưa dân của Người vào sa mạc mà “thổ lộ tâm tình”? Tại sao phải là sa mạc mà không phải là một nơi khác? Trước tiên, “quyến rũ” (הִנָּח - allure) được xem là một hành vi lôi kéo, dụ dỗ một người nào đó ra khỏi con đường đáng lẽ người đó phải theo, làm cho người ấy mê mẩn mà làm theo ý của mình²⁸ như Xh 22,15 – một người đàn ông quyến rũ một thiếu nữ chưa đính hôn để ăn nằm với nàng; Gr 20,7 – Đức Chúa đã quyến rũ Giêrêmia để làm ngôn sứ cho Người. Như vậy, đứng trước những sa đọa tội lỗi mà Ítraen đang chìm đắm, Thiên Chúa nhìn mà chẳng đành, nên Người đã quyết định quyến rũ, lôi kéo họ ra khỏi tình trạng tội lỗi, ra khỏi thói đời lẽ nghi của việc thờ thần ngoại và đưa họ vào sa mạc để bày tỏ tình yêu của Người, để giúp họ nhớ lại tương quan với Thiên Chúa. Như vậy, Thiên Chúa đã không từ bỏ một phương tiện nào để chinh phục Ítraen, để hồng nối lại dây tương quan và tình yêu với dân Ngài.²⁹

Tiếp đến, hình ảnh “sa mạc” có thể được xem xét dưới hai tầng ý nghĩa. Thứ nhất là ý nghĩa về nơi của thử thách và của sự khởi đầu.³⁰ Trong Kinh Thánh “sa mạc” (דֶּסֶרְט - desert) là nơi “khủng khiếp, đầy rắn lửa và bọ cạp, là miền đất khô cằn không giọt nước” (Đnl 8,15), là nơi của ma quỷ (Is 13,21). Nơi đây, thời Xuất Hành, còn được xem là thời kì của thử thách (thử thách về đức tin, về sự trung thành với Thiên Chúa) của dân được Thiên Chúa tuyển chọn (dân Israel) (Đnl 6-8). Ngoài ra, thời Ítraen ra khỏi Ai Cập, sự khắc nghiệt của sa mạc đã làm cho Ítraen đối diện với phận người đầy đau khổ, đầy giới hạn, khi họ bị tước đoạt hết mọi sự. Cuối cùng, họ phải nại tới Thiên Chúa, phải cậy dựa vào Thiên Chúa, với một Đấng Siêu Vượt hơn họ. Lúc đó, Thiên Chúa chính là nguồn cậy trông, niềm hi vọng giúp họ vượt qua những khốn cùng trong sa mạc.³¹ Vì thế, trong “sa mạc” không chỉ là nơi ghi dấu những thử thách trong lịch sử của Ítraen, nhưng cũng là nơi lưu giữ biến cố tình yêu diệu vời của Thiên Chúa dành cho họ (Đnl 8,2; 15-18). Ở đó, Ítraen được Thiên Chúa ủi an, chăm sóc (1V 19,4; Kh 12,6) và họ được gieo hi vọng một sự sống mới, một tương lai mới, một điều gì đó tốt đẹp hơn (Gr 31,2; Ed 20,10-38).

Hơn nữa, sa mạc chính là nơi Thiên Chúa thiết lập giao ước với dân Ítraen. Đó chính là giao ước trên núi Sinai (Xh 19,20). Tại núi Sinai, Thiên Chúa đi bước trước, vì Người đoái thương dân tộc Ítraen và muốn cho dân tộc đó được trở thành dân riêng, thành con cái của Người (Xh 4,23) nên Người đã kí một giao ước với dân Ítraen với nội dung Đức Chúa sẽ là Thiên Chúa duy nhất của Ítraen (Xh 20,2-5) và Ítraen là dân riêng, dân được Thiên Chúa tuyển chọn (Xh 19, 5-6). Đó cũng chính là tầng ý nghĩa thứ hai của “Sa mạc”: qua giáo ước Sinai, không phải

²⁶ Thomas Edward McComiskey (ed.), *The Minor Prophets*, 42.

²⁷ Francis I. Andersen, & David N. Freedman, *Hosea*, 263.

²⁸ Hành vi “quyến rũ” không mang nghĩa tiêu cực ở đoạn văn này, nhưng hành động quyến rũ của Thiên Chúa trong khung cảnh hòa giải, lôi kéo Ítraen ra khỏi tội lỗi để hòa giải với Thiên Chúa (Brad E. Kelle, *Hosea 2. Metaphor and Rhetoric in Historical Perspective*, 267).

²⁹ Jean Pierre Prevost, *Đề Đọc Các Ngôn Sứ*, 122.

³⁰ Brad E. Kelle, *Hosea 2. Metaphor and Rhetoric in Historical Perspective*, 268.

³¹ Richard D. Patterson & Andrew E. Hill, *Minor Prophets. Hosea-Malachi*, 70.

luôn luôn, nhưng Ítraen đã từng ở trong tình trạng trung thành và tương quan gắn bó với Thiên Chúa trong thời dân ra khỏi Ai Cập đi trong sa mạc. Có nhiều lần phản bội với giao ước nhưng rồi họ vẫn trở về với Thiên Chúa, vẫn trung thành với một Thiên Chúa duy nhất trong đời sống tôn giáo của họ. Như vậy, sa mạc diễn tả tình trạng tín trung và tương quan yêu thương gắn bó giữa Thiên Chúa với Ítraen.

Như vậy, để cho thấy, dù có bất trung với Thiên Chúa, nhưng Người không giờ bỏ rơi dân Ítraen.. Trái lại, Người luôn đi tìm họ, dõi bước theo họ, và kêu gọi họ trở về với Ngài. Bằng hành động quyền rũ “người tình bất trung”,³² đưa họ vào sa mạc để được ở bên, thổ lộ tâm tư tình cảm, mà chẳng màng đến những gì “người tình” đã và đang làm. Rõ ràng, Thiên Chúa đã dành một tình yêu lạ lùng cho dân Ítraen, vượt trên cả sự phản bội, sự bất trung của dân Người. Thực sự, Thiên Chúa có giận (có hạch tội, phán xét 2, 2-15), nhưng cơn giận đó không thể phủ lấp đi tình thương và lòng nhân hậu của Người. Như ngôn sứ Isaia cũng nói: “Trong một thời gian ngắn, Ta đã ruồng bỏ ngươi, nhưng vì lòng thương xót vô bờ, Ta sẽ đón ngươi về tái hợp. Lúc lửa giận bùng bùng, Ta đã một thời ngoảnh mặt chẳng nhìn ngươi, nhưng vì tình nghĩa ngàn đời, Ta lại chạnh lòng thương xót, Đấng Cứu chuộc ngươi, phán như vậy” (Is 54,7-8). Hay lời của ngôn sứ Nokhemia cũng đã thốt lên: “Thiên Chúa là Đấng từ bi nhân hậu, chậm bất bình, giận dữ nhưng giàu tình xót thương đã không bỏ rơi họ... Và cả khi họ xúc phạm nặng nề đến Chúa, thì Ngài vẫn mở lượng hải hà” (Nkm 9,16-19). Có thể nói, tình yêu của Thiên Chúa không dừng lại ở lời nói, nhưng bằng những hành động cụ thể. Ngài không chờ con người hành động, nhưng luôn đi trước trong việc tìm gặp con người. Điều này diễn tả tình yêu của Thiên Chúa lớn đến mức Ngài khiêm nhường đối với cả thụ tạo của mình và làm mọi thứ để được đụng chạm, được yêu thụ tạo của mình.

Hơn thế nữa, tình yêu lạ lùng vượt quá suy nghĩ của con người khi cao trào được đẩy tới một hành động cụ thể bằng việc kí kết hôn ước vĩnh cửu trong công minh, chính trực, ân tình và xót thương giữa Thiên Chúa với Ítraen (Hs 2, 21).

Hôn Ước Tình Yêu Vĩnh Cửu

Sau khi đã quyền rũ Ítraen vào sa mạc để thổ lộ một tình yêu duy nhất, bất biến của Thiên Chúa, Người không chỉ dừng lại ở mức cảm xúc, tình cảm, nhưng giờ đây Thiên Chúa tiếp tục một lần nữa đi bước trước, bày tỏ tình yêu tín trung của Người bằng việc kí kết với Ítraen một hôn ước vĩnh cửu - một hôn ước vượt xa giao ước Sinai.³³

Cụ thể, Thiên Chúa nói: “Ta sẽ lập với ngươi một hôn ước (וְאָרְשֶׁתִּיךָ) vĩnh cửu. Ta sẽ lập hôn ước (וְאָרְשֶׁתִּיךָ) với ngươi trong công minh và chính trực, trong ân tình và xót thương. Ta sẽ lập hôn ước (וְאָרְשֶׁתִּיךָ) với ngươi trong tín thành, và ngươi sẽ được biết Đấng Cứu chuộc” (Hs 2, 21-22). Nếu trước đó, ở phần hạch tội, Hôsê đã vẽ nên một viễn cảnh không còn hi vọng, không xót thương, đầy sự tan tóe và tàn phá để trả đũa cho sự bất trung của Ítraen:³⁴ “đưa nó ra tòa”, “Ta sẽ lột trần nó ra”, “Ta sẽ không thương”, “Ta sẽ trừng phạt”. Vậy mà giờ đây, Thiên Chúa sẵn sàng lập hôn ước với họ, một cuộc hôn ước kéo dài muôn đời mà chẳng đòi hỏi một điều kiện nào.³⁵

³² “Người tình bất trung”- Ítraen không chỉ được xem như người tình bất trung, nhưng còn được xem người người yêu mà Thiên Chúa không nở, không thể từ bỏ dù “nàng” có lỗi phạm, sa đọa thế nào.

³³ Francis. I. Andersen, & David. N. Freedman, *Hosea*, 266.

Giao ước Sinai được xem như cuộc đính hôn giữa Thiên Chúa với Ítraen và hôn ước lúc này như một cuộc hôn nhân vĩnh cửu Thiên Chúa muốn kí kết với Ítraen.

³⁴ Jean Pierre Prevost, *Đề Đọc Các Ngôn Sứ*, 105.

³⁵ Thomas Edward McComiskey (ed.), *The Minor Prophets*, 45.

Đầu tiên, động từ שָׂדָד (to betroth, to wed – thành hôn, kết hôn) được lặp đi lặp lại ba lần và động từ này được xem như “chìa khóa” của toàn đoạn văn Hs 2, 16-25,³⁶ nhằm cho thấy tình yêu mãnh liệt và si tình của Thiên Chúa lạ lùng đến nhường nào. Hơn nữa, cuộc hôn nhân vĩnh cửu mà Thiên Chúa muốn thiết lập với Ítraen thật đặc biệt, vì trong Kinh Thánh, động từ שָׂדָד ,³⁷ được dùng trong trường hợp kết hôn với một trinh nữ như Xh 22,16; Đnl 20,7; 22,23; 28,30. Như vậy, có thể xem Thiên Chúa chẳng còn màng tới sự bất trung của Ítraen. Dường như quá khứ tội lỗi của Ítraen ngoại tình đã được xoá sạch, để rồi hiện tại cũng như tương lai của Ítraen được bắt đầu một khởi điểm hoàn toàn mới³⁸ như ngôn sứ Isaia đã viết: “Tội các ngươi, dầu có đỏ như son, cũng ra trắng như tuyết; có thẫm tựa vải điều, cũng hoá trắng như bông” (Is1,18) hay trong ngôn sứ Giêrêmia “Ta sẽ tha thứ tội ác cho chúng và không còn nhớ đến lỗi lầm của chúng nữa” (Gr 31,13).

Hơn nữa, trong hôn ước vĩnh cửu này, Thiên Chúa đã liệt kê năm đặc tính trong hôn nhân giữa Người với Ítraen và được sắp xếp theo các cặp: công minh và chính trực; ân tình và xót thương, và tín thành. Đầu tiên, công minh (צְדָקָה – righteousness) và chính trực (דִּינָיְוֹת – justice). Ngay từ sách Sáng Thế, công minh chính trực là chuẩn mực mà Thiên Chúa đã truyền lại cho Ápraham và cho con cháu ông phải tuân giữ, như là điều kiện để Ngài thực hiện lời hứa của Ngài (St 18,19). Trong sách Đệ Nhị Luật và Lêvi,³⁹ cặp đặc tính: công minh – chính trực luôn đi với nhau và được xem là tiêu chuẩn tiên quyết để bảo vệ sự công bằng và chân lí trong đời sống. Đây còn là cặp nhân đức mà Thiên Chúa mến chuộng và khi sống cặp nhân đức này, Ítraen được tình thương Chúa chan hòa mặt đất (Tv 33,4). Họ được sống, sống lâu, sống yên hàn, sinh sôi và được chiếm hữu đất mà Thiên Chúa đã hứa ban cho Ítraen làm gia nghiệp.⁴⁰

Thứ hai, ân tình (חַסְדִּים – lovingkindness) và xót thương (רַחֲמִים – mercy) là cặp đặc tính mà Thiên Chúa hằng khao khát Ítraen tuân giữ để được Thiên Chúa chúc phúc, giữ gìn và tình thương của Người được luôn đổ tràn trên dân, từ con người cho tới hoa màu, thú vật (Đnl 7, 12). Đồng thời, cặp đặc tính này cũng nói lên tình thương của Thiên Chúa, luôn từ bi, không bỏ mặc, không tiêu diệt và không quên giao ước Người đã thề với cha ông của Ítraen (Đnl 4,31; Tv 78,38).⁴¹ Đặc biệt, ngôn sứ Giêrêmia đã khắc họa lòng xót thương của Thiên Chúa như một mối tình muôn thuở Ngài dành cho Ítraen: “Ta đã yêu thương ngươi bằng mối tình muôn thuở, nên ta vẫn dành cho ngươi lòng xót thương” (Gr 31,3).

Đặc tính cuối cùng là tín thành (אֱמוּנָה – faithfulness). Một Thiên Chúa luôn tín thành, không mảy may gian dối (Đnl 32,4), muôn ngàn đời vẫn trọn tình thương và lòng thành tín của Ngài trải thế hệ (Tv 100,5). Người luôn bảo vệ và yêu thương con cái Ngài trước kẻ thù hung hãn (Tv 89,23-24). Ngoài ra, vì thành tín dân Ítraen đã được Thiên Chúa chúc phúc (2Sbn 2), được sống yên hàn (Tv 37,3), được đầy dư phúc lành và thoát khỏi muôn vàn hình phạt (Cn 28,20).

Như vậy, dù Thiên Chúa có đau buồn và có tức giận trước sự ngu muội buông theo bội tín của Ítraen (Hs 11,7), nhưng vì quá si mê, quá yêu Ítraen và vì lòng tín thành của Người, đã khiến trái tim Ngài thổn thức và ruột gan Ngài bồi hồi (Hs 7,8). Rõ ràng Thiên Chúa đã không thể bỏ rơi con cái của Ngài, không thể đoạn giao với Ítraen, như ngôn sứ Isaia đã viết: “Cho dù nó có quên đi nữa, thì Ta, Ta cũng chẳng quên ngươi bao giờ” (Is 49,15) hay trong sách ngôn sứ Hôsê: “Đức Chúa yêu thương con cái Ítraen, trong khi chúng lại quay lưng đi theo các thần

³⁶ Brad E. Kelle, *Hosea 2. Metaphor and Rhetoric in Historical Perspective*, 277.

³⁷ Trong Kinh Thánh, động từ שָׂדָד (to betroth, to wed – thành hôn, kết hôn) xuất hiện mười một lần: Xh 22,16; Đnl 20,7; 22,23; 22,25; 22,27; 22,28; 28,30; 2Sam 3,14; Hs 2,20; 2,21.

³⁸ James D. Nogalski, *The Book of the Twelve. Hosea-Jonah*, 58.

³⁹ Đnl 1,16; 16,18; 20; 25,15; Lv 9,16; 18,4; 18,26; 19,15; 20,22; 25, 18-19.

⁴⁰ Thomas Edward McComiskey (ed.), *The Minor Prophets*, 45.

⁴¹ Richard D. Patterson & Andrew E. Hill, *Minor Prophets. Hosea-Malachi*, 72.

ngoại” (Hs 3,1). Chính việc thiết lập hôn ước vĩnh cửu với năm đặc tính: công minh, chính trực, ân tình, xót thương, và tín thành, cho thấy Thiên Chúa đã dám làm tất cả để hồng có được tình yêu của Ítraen.⁴² Dầu Ngài biết rủi ro, cũng như sự bất trung của họ chắc sẽ tiếp tục diễn ra, nhưng Ngài giống như người si tình, bất chấp làm mọi thứ để có được người mình yêu. Có thể nói, khi đã dẫn thân vào mối tình với con người trong hôn ước vĩnh cửu, Ngài cũng dám đón nhận hết những hệ lụy của mối tình này, đón nhận cả những bi đát đau thương của tình yêu. Từ một Đấng ở thế chủ động, Ngài bước xuống, hạ mình ở thế bị động, chấp nhận rủi ro trong hôn ước vĩnh cửu này. Có lẽ, Thiên Chúa đã trở nên yếu đuối trong tình yêu với Ítraen vì Ngài đã trao ban tất cả tình yêu của Ngài và cũng chỉ cần tình yêu trên tất cả mọi sự⁴³ như trong Hôse đã viết: “Vì Ta muốn tình yêu chứ không cần hy lễ, thích được các người nhận biết hơn là được của lễ toàn thiêu” (Hs 6,6).

Tuy nhiên, hôn ước này cũng cho thấy nét kỳ diệu của tình yêu Thiên Chúa, của một Thiên Chúa mà con người không bao giờ hiểu hết. Dân càng đàn đấm, tội lỗi, chẳng còn tín thành, chẳng có ân nghĩa (Hs 11,8), thì tình yêu Thiên Chúa lại càng mãnh liệt, càng chẳng nở bỏ rơi và càng yêu thương chúng hết tình (Hs 14,5). Thậm chí, Ítraen càng phản bội với giao ước thì Ngài lại càng muốn cột chặt muôn đời với họ trong hôn ước vĩnh cửu. Cho nên, chính hôn ước vĩnh cửu mà Thiên Chúa đã kí kết là minh chứng rõ ràng và cụ thể cho tình yêu lạ lùng và mãnh liệt này của Ngài. Đây không phải là một tình yêu trừu tượng, chỉ ở trời cao, nhưng là một tình yêu cụ thể, một tình yêu dẫn thân trọn vẹn một cách đam mê, đầy sự sống, đầy cảm xúc, có thể xem yêu như điên, yêu bất chấp.⁴⁴

Như vậy, từ việc quyến rũ để đưa Ítraen vào sa mạc để thổ lộ tâm tình, để ước mong được kề bên, được trò chuyện, đến quyết định táo bạo bằng hôn ước vĩnh cửu, Hôse đã khắc họa một Thiên Chúa si tình, rất người với đầy cung bậc cảm xúc của một người đang yêu và muốn được yêu. Thật sự, Ngài là một Thiên Chúa thổn thức vì yêu, đau khổ vì yêu, tôn thương vì yêu và đã tìm mọi cách thế chỉ để mong có được tình yêu từ Ítraen – một người tình đã làm cho Ngài bao lần đau khổ. Tuy nhiên, hình ảnh bất trung của Ítraen và tình yêu mà Thiên Chúa dành cho họ năm xưa không chỉ gói gọn trong lịch sử Ítraen hơn 2000 năm trước, nhưng ý nghĩa sứ điệp trong lời rao giảng của ngôn sứ Hôse còn mang tính phổ quát cho mọi thời đại, ngay cả lúc này, nơi đây, cụ thể cho chính cá nhân người viết – một tu sĩ đã kí kết hôn ước với Thiên Chúa.

Bài Học Phản Tỉnh

Qua hai câu chuyện tình bi thương, trắc trở, nhưng đầy kì diệu giữa Hôse với người vợ Gômê và giữa Thiên Chúa với dân Ítraen, người viết có cơ hội cảm nghiệm hơn về tình yêu diệu kì của Thiên Chúa dành cho nhân loại. Đồng thời, hình ảnh người vợ Gômê và dân Ítraen như là tấm gương phản chiếu chân thực về cuộc đời và hành trình sống đức tin, cũng như con đường theo Chúa trong ơn gọi dâng hiến của người viết.

Trước tiên, Thiên Chúa đã cúi xuống với lịch sử con người, một lịch sử chất chồng bao tội ác, bất trung và hoang đàng. Tuy nhiên, đứng trước sự ác của con người, Thiên Chúa đã không đành hủy diệt những đứa con tội lỗi của mình, nhưng bằng tình yêu tuyệt đối, Ngài vẫn ôm lấy thân phận mỏng dòn của con người, vỗ về và nói lời yêu thương. Vì một điều không bao giờ thay đổi rằng: Thiên Chúa luôn mãi là Đấng nhân hậu, muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương và qua bao thế hệ, Ngài vẫn giữ một niềm thành tín (Tv 100,5). Nếu Người có giận,

⁴² Francis. I. Andersen, & David. N. Freedman, *Hosea*, 283. Năm đặc tính: công minh, chính trực, ân tình, xót thương, và tín thành được xem như là cái giá để cưới một trinh nữ làm vợ.

⁴³ Jean Pierre Prevost, *Để Đọc Các Ngôn Sứ*, 112.

⁴⁴ *Ibid.*, 119.

cũng chỉ giận trong giây lát, nhưng yêu thương, Ngài thương suốt cả đời (Tv 29,6). Chính vì thế, tình yêu của Thiên Chúa trước đây vẫn thế, hôm nay vẫn thế và muôn đời vẫn thế, không bao giờ thay đổi. Ngài vẫn đeo đuổi cuộc đời mỗi người chúng ta, luôn đi bước trước để tìm gặp, vẫn đứng ở một góc để nhìn để chờ đợi và mỉm cười trông ngóng dù con người trượt dài trong tội như thế nào đi chăng nữa.

Đặc biệt, Thiên Chúa đã không yêu con người một cách sơ sơ, xa xa, yêu tạm thời, yêu trên môi miệng, nhưng Ngài yêu một cách cụ thể, gần gũi, trọn vẹn và mãi mãi, đến nỗi ban chính Con Một của mình (Ga 3,16). Con Một của Ngài chính là Chúa Giêsu Kitô – một vị Thiên Chúa toàn năng đã chấp nhận bước vào trong giới hạn, trút bỏ vinh quang, mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân, sống như người trần thế. Thậm chí, Người còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây Thập Giá (Pl 2, 7-8). Đó là một tình yêu không biết phải diễn tả như thế nào. Yêu đến dâng hiến cả cuộc đời mình, là chấp nhận chết một cách đau đớn tui nhục với tất cả con người chứ không chết trong lòng một ít như cách mô tả của nhà thơ Xuân Diệu.

Như vậy, thời Cựu Ước, khuôn mặt yêu thương của Thiên Chúa thể hiện qua cách Ngài chăm sóc và giữ gìn con cái Ítraen. Qua Tân Ước, chúng ta nhận biết một Thiên Chúa đã bày tỏ tình yêu cách thật chân thực qua khuôn mặt cụ thể là Chúa Giêsu Kitô. Chính Thiên Chúa trở thành người và đi xuống tận cùng kiếp người để đồng cam cộng khổ với con người.

Kể đến, lịch sử Thánh Kinh ghi lại bao lần lập giao ước, cũng bấy nhiêu lần con người đơn phương phá vỡ bằng sự bất trung. Nhưng dù cho con người có ngàn lần phản bội, thì Thiên Chúa vẫn trung tín, vì “giao ước đã lập ra, muôn đời Chúa nhớ mãi” (Tv 111,5). Sự trung tín của Thiên Chúa còn cho thấy sự kiên trì chờ đợi và tha thứ cho con người. Ngài không mỗi một chờ đợi, không mỗi một thứ tha, càng không mỗi một để chữa lành cho chúng ta. Ngài vẫn luôn khao khát giữ mỗi người chúng ta ở lại bên Người và cố gắng gieo vào lòng chúng ta niềm hy vọng một cuộc sống tốt hơn. Hơn nữa, khuôn mặt tha thứ của Thiên Chúa đã được mặc khải trọn vẹn nơi Chúa Giêsu. Ngài đã sống trọn vẹn về lòng thương xót của Thiên Chúa. Ngài trở nên biểu hiện của tình yêu tha thứ, mà đỉnh cao trọn vẹn tình yêu được giải bày trên cây Thập Giá, hình ảnh tuyệt vời của sự tha thứ “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm” (Lc 23,34).

Tuy nhiên, khi nói đến tình yêu diệu kì và sự tha thứ không mỗi một của Thiên Chúa, thì trái tim đau khổ của Thiên Chúa cũng cần được nói đến. Vì Chúa đã yêu con người bằng trái tim của con người, chứ chẳng phải là trái tim của một vị thượng đế xa xôi, mơ hồ. Thế nên, trái tim đó chắc chắn cũng bị xâu xé, biết đau, biết nhói. Như Hôsê đã mô tả, trái tim Chúa thổn thức, ruột gan Ngài rối bời (Hs 11,8), vì cứ mãi yêu, cứ mãi lao mình vào con người, cứ mãi chịu đựng để rồi những gì Ngài nhận lại không ít là vết cắt, vết thương, là những nỗi đau. Jean Pierre Prevost cũng nhận định: “Có một Thiên Chúa bị thương trầm trọng khi thường xuyên bị đẩy đến cùng vì sự vô ơn bạc nghĩa của con người.”⁴⁵ Sao có thể diễn tả nỗi đau đớn và tổn thương của Thiên Chúa khi chính những đứa con Chúa yêu thương hết mực, dành tất cả tình yêu để chăm sóc và bảo vệ, giờ đây lại phản bội và vô tâm với những gì Thiên Chúa dành cho họ. Như vậy, có một Thiên Chúa cũng rất cô đơn, rất đau khổ và quá đổi trầy trụa chỉ vì yêu con người. Tuy nhiên, tưởng như điều này làm cho Thiên Chúa trở nên yếu nhược, bất lực trước sự vô ơn, bội tín và hoang đàng của con người, thì chính những đau khổ, thổn thức này lại khắc họa nổi bật sự kì diệu trong tình yêu mãnh liệt của Thiên Chúa rằng: dù có đau đớn thế nào, Thiên Chúa vẫn chọn được yêu và tha thứ cho con người.

⁴⁵ Jean Pierre Prevost, *Đề Đọc Các Ngôn Sứ*, 119 -120.

Cuối cùng, cá nhân người viết nhận thấy rằng những điều xấu xa của Gôme hay Ítraen cũng là một phần trong con người mình. Chính mỗi ngày sống với những chọn lựa, thái độ và hành động, người viết vô tình sống lại kinh nghiệm bất trung và hoang đàng của Gôme và Ítraen xưa. Dầu được giáo dục, được sống trong môi trường Công giáo, dòng tu và đặc biệt với tất cả tự nguyện, tự do đã kí kết “hôn ước” với Thiên Chúa với ba khuyên Phúc Âm, nhưng người viết vẫn để con người mình cuốn theo những lời mời mọc ngọt ngào đầy hứa hẹn và thoải mái của thế gian mà bao lần quên đi căn tính tu sĩ, căn tính Kitô giáo và hôn ước khẩn dòng của mình.

Nếu Ítraen cứ mãi chạy theo thần ngoại hay Gôme trở về với nghề làm điếm thì chính những lúc đặt những giá trị vật chất tiền tại, dục vọng lên trên Thiên Chúa, người viết đã bỏ rơi Thiên Chúa, trở về với những xấu xa, chạy theo những thú vui vật chất ở đời. Hay khi gặp khó khăn, Ítraen cậy nhờ ngoại bang mà chẳng màng nhớ tới Thiên Chúa thì người viết cũng lơ lửng, cậy dựa sức mình, sức người hơn khiêm tốn, phó thác vào sự quan phòng và soi sáng của Thiên Chúa. Và nếu một Ítraen đi hoang, Thiên Chúa thống thiết gọi hoài chẳng nghe, khuyên hoài chẳng về, thì cá nhân người viết cũng đã lúc u mê trong tội, khép kín mình trong thế giới thoải mái, ích kỉ nhỏ bé của mình mà chẳng màng tới việc chăm sóc, nuôi dưỡng tương quan với Thiên Chúa. Nhất là, những lần Ítraen phản bội lại giao ước, cũng là những lần người viết phá vỡ lời khấn với Chúa, không trung thành với đường lối của Chúa và làm mờ đi căn tính tu sĩ của mình. Sau cùng, cũng như Ítraen, dù có sa ngã, tội lỗi, đi hoang thế nào đi chăng nữa, thì cũng đến lúc cảm thấy trống vắng, lạc lối, ê chề, để rồi cần đến tình thương và tha thứ của Thiên Chúa. Đó chính là lúc cần đến một sự khởi đầu lại, một hành động dám đứng lên và trở về với Chúa như dụ ngôn người con hoang đàng (Lc 15, 11-32) và bắt đầu xây dựng lại tương quan với Chúa.

Như vậy, câu chuyện của Ítraen không phải là quá khứ, nhưng chính là thực tại và cả tương lai. Sứ điệp của ngôn sứ Hôse loan báo cách đây hơn 2000 năm đã không đi vào dĩ vãng, nhưng vẫn có giá trị cụ thể cho con cái của Thiên Chúa ở mỗi thời, mỗi nơi, cách riêng là cho cá nhân người viết. Dầu con người có tội lỗi, sa đọa thế nào đi chăng nữa, Thiên Chúa vẫn không buông tay, không bỏ rơi con người. Ngài vẫn nhẫn nại chịu đựng, vẫn tha thiết chờ đợi sự trở về, vẫn không mệt mỏi để tha thứ và vẫn dành một tình yêu vĩnh cửu muôn thuở với mỗi từng người.

Tài liệu tham khảo

- Abraham J. Heschel (2001). *The Prophets*, 47. New York: Harper Perennial Modern Classics.
- Abraham J. Heschel, *The Prophets*, 49. In the Northern Kingdom of Israel, Menahem (745-738 B.C.E.), who had usurped the throne, became a vassal of Assyria.
- Francis. I. Andersen, & David. N. Freedman (1980). *Hosea: A New Translation with Introduction and Commentary*. New York: Doubleday & Company.
- James D. Nogalski, *The Book of the Twelve. Hosea-Jonah*, 58.
- Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ (2010). *Lời Chúa Cho Mọi Người: Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước*. Hà Nội: NXB Tôn Giáo.
- Jean Pierre Prevost (2017). *ĐỂ ĐỌC CÁC NGÔN SỨ*. Nguyên bản: *Pour Lire les Prophtes*, chuyển dịch Thiên Hựu và Xuân Hùng, Sài Gòn: NXB Đông Phương.
- Nhà Thơ Xuân Diệu (1916-1985). Bài thơ Yêu nằm trong tập thơ *Thơ Thơ* (1938).
- Richard D. Patterson & Andrew E. Hill (2015). *Minor Prophets. Hosea-Malachi*. Illionis: Cornerstone Biblical Commentary.

Thomas Edward McComiskey (ed.) (1992). *The Minor Prophets. An Exegetical and Expository Commentary. Vol 1: Hosea, Joel, and Amos*. Grand Rapids: Baker Book House.

Biodata

Giuse Hồ Sỹ Đoàn hiện là tu sỹ Dòng C.P., và là sinh viên Thần học năm 2 tại Học Viện thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam.

Joseph Ho Sy Doan is currently a brother of C.P. and a second-year student of Theology at Saint Joseph Jesuit Scholasticate, Vietnam.